

Bản án số: 07/2026/DS-PT
Ngày: 08 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 766/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Phú D, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: K, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng). Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc O, là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; địa chỉ: Số E, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ, (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Phước C, sinh năm 1986 (có mặt) và bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1997 (có mặt); cùng địa chỉ: Số F, đường A, KDC P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường H, thành phố Cần Thơ).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp T, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Hồ Phú D, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Hồ Phú D trình bày:

Tháng 3/2022, ông Trương Minh T có nhờ ông bảo vệ đòi lại tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cha mẹ ông T là bà Phạm Thị T2 với bà Nguyễn Thị L (bà L là vợ sau hợp pháp của ông Trương Minh H – cha ông T). Cụ thể, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngôi nhà quán Miền T ở ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (cũ). Ông Trương Minh H (chết tháng 01/2022) có cho tặng người vợ sau là bà Nguyễn Thị L và đã đăng bộ sang tên bà L vào tháng 04/2020. Ông đã thu thập chứng cứ, làm hồ sơ khiếu nại, hồ sơ khởi kiện cho gia đình ông Trương Minh T nhiều nơi. Sau cùng là Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cũ) thụ lý giải quyết, qua nhiều lần hòa giải không thành, đến tháng 12/2023 bà Nguyễn Thị L đã chấp nhận thương lượng và cắt chia cho gia đình ông T $\frac{1}{2}$ căn nhà và quyền sử dụng đất, bà Phạm Thị T2 đã có đơn xin rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cũ) đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 02/2024/QĐST-DS ngày 05/01/2024. Trị giá căn nhà ông T được hưởng là 8.000.000.000 đồng. Cụ thể, ông T được chia hưởng thừa kế là 3.000.000.000 đồng, ông đã mang lợi thêm về cho ông T 5.000.000.000 đồng từ phía bà L, bao gồm $\frac{1}{2}$ căn nhà và quyền sử dụng đất trị giá là 3.000.000.000 đồng. Ông đã bằng mọi cách thương lượng với bà L đổi cho ông T 03 căn nhà, trị giá chênh lệch ông T được hưởng là 2.000.000.000 đồng. Ngày 01/12/2023, ông Trương Minh T, ông Trương Minh C1, bà Trương Thị Thúy A cùng ông ngồi lại họp thống nhất số tiền thù lao trả cho ông là 500.000.000 đồng, bản cam kết về thù lao và số tiền, thời gian trả do chính ông T viết và ký tên, ông C1, bà A không có ký. Phương thức trả tiền thù lao là trả hằng tháng từ tháng 12/2023 đến tháng 4 năm 2024 là dứt điểm. Đến ngày 20/12/2023, ông T nhắn tin cho ông nội dung “*Gần tết khó khăn về tiền bạc. Mong anh hiểu*”, đến ngày 03/01/2024 ông T chặn tin nhắn zalo, điện thoại không nghe máy, nhắn tin không trả lời. Ngày 28/02/2024, ông dùng số điện thoại khác gọi ông T mới bắt máy nhưng nói năng hùng hồ, cón đồ, đến 18 giờ cùng ngày thì kéo quân gồm 04 người đến nhà ông để uy hiếp đe dọa với mục đích giảm nợ từ 500.000.000 đồng xuống 150.000.000 đồng, nên ông không đồng ý. Do ông T quyết nợ không trả nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Minh T có trách nhiệm trả cho ông số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy cam kết thù lao ngày 01/12/2023 mà ông T đã viết và ký tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là đồng ý trừ vào 50.000.000 đồng/tổng số 56.000.000 đồng ông đã nhận trước từ ông T, yêu cầu ông T phải trả thù lao còn lại là 450.000.000 đồng.

- Quá trình tham gia tố tụng bị đơn Trương Minh T có yêu cầu phản tố và có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị T3 trình bày:

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Lý do trước đây bị đơn có hứa sẽ chi phí cho ông D số tiền 50.000.000 đồng để ông D tham gia với tư cách đại diện hoặc luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trong vụ án tranh chấp có liên quan tài sản của ông Trương Minh H (cha ông T), nhưng ông D không có tham gia hay công sức gì để xứng đáng nhận số tiền chi phí mà ông T đã đưa trước. Tổng cộng ông T đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho ông D số tiền

87.000.000 đồng. Nay, đối với phần tiền thuê luật sư Trần Thanh P là 15.000.000 đồng bị đơn không có yêu cầu gì, còn lại số tiền 72.000.000 đồng bị đơn chỉ đồng ý hỗ trợ bồi dưỡng cho ông D số tiền 22.000.000 đồng, bị đơn phản tố yêu cầu ông D trả lại cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng đã nhận và yêu cầu hủy bỏ cam kết thù lao bảo vệ pháp lý ngày 01/12/2023 giữa ông Trương Minh T, bà Phạm Thị T2 với ông Hồ Phú D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu hủy bỏ Văn bản cam kết thù lao bảo vệ pháp lý ngày 01/12/2023. Tự nguyện rút lại yêu cầu phản tố đòi ông D trả lại số tiền đã nhận trước là 50.000.000 đồng. Đối với yêu cầu thực hiện cam kết thù lao trả số tiền 500.000.000 đồng của ông D bị đơn không đồng ý. Lý do, bị đơn bị ép ký, lúc đó bị hoản loạn nên ký và ghi số tiền 50.000.000 đồng mà ghi thành 500.000 đồng và ghi bằng chữ là năm trăm triệu đồng.

- *Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2 (mẹ bị đơn T) trình bày:*

Bà không có yêu cầu độc lập, bà không có ký cam kết trả thù lao cho ông D, bà có biết việc ông Trương Minh T ký cam kết thù lao nhưng bà không biết là số tiền 500.000.000 đồng, trong sự việc tranh chấp này bà không liên quan gì nên bà đề con bà là ông T toàn quyền giải quyết với ông D.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 đã quyết định: Căn cứ khoản 3, khoản 14 Điều 26, các điều 35, 39, 217, 218, 219, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Phú D yêu cầu bị đơn ông Trương Minh T trả thù lao bảo vệ pháp lý số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Giấy cam kết thù lao bảo vệ pháp lý ngày 01/12/2023.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Minh T đối với nguyên đơn ông Hồ Phú D về việc hủy bỏ Giấy cam kết thù lao bảo vệ pháp lý ngày 01/12/2023. Đình chỉ xét xử phản tố của bị đơn ông Trương Minh T đối với nguyên đơn ông Hồ Phú D về việc yêu cầu trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2025, nguyên đơn ông Hồ Phú D có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 15/8/2025. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ Nguyên đơn ông D không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, nhưng có bổ sung kháng cáo là yêu cầu hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông T trả số tiền 450.000.000 đồng. Gia đình ông T ủy quyền miệng cho ông liên hệ cơ quan, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp với bà L, không có làm văn bản ủy quyền và

cũng không có làm Hợp đồng thù lao dịch vụ pháp lý, nhưng thỏa thuận miệng là ông sẽ được hưởng 15% trên tổng giá trị tài sản gia đình ông T được nhận. Trước đó, ông có nhận số tiền 56.000.000 đồng từ ông T chuyển khoản và đưa tiền mặt. Sau khi thỏa thuận thành với bà L thì ông T mới đồng ý ký cam kết thù lao; vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng: Ông D có hỗ trợ gia đình bị đơn làm đơn để giải quyết tranh chấp với bà L, giấy cam kết ký tại nhà ông T, chỉ thỏa thuận số tiền là 50.000.000 đồng, có tin nhắn cam kết số tiền 50.000.000 đồng. Trước đó, chuyển khoản và đưa tiền mặt cho ông D số tiền 87.000.000 đồng, do ông D yêu cầu và buộc ký giấy cam kết, nếu không ký sợ ông D tác động bên kia theo hướng bất lợi, sau này cộng lại thì số tiền ông T đưa trước nhiều hơn số tiền đã thỏa thuận, nên không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông D.*

+ *Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.*

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, ông D đã thực hiện công việc từ giai đoạn khiêu nại và khởi kiện ra Tòa án, ông D tham gia nộp đơn, nhận giấy tờ tại các cơ quan có thẩm quyền, tại Tòa án, nên cần trích lục hồ sơ do ông D thực hiện. Việc thỏa thuận hợp đồng dịch vụ pháp lý có thể bằng lời nói, tuy không có văn bản thể hiện số tiền 500.000.000 đồng, nhưng được ông T khai tại cơ quan điều tra là có nhờ ông D thực hiện dịch vụ pháp lý, soạn đơn, nộp đơn tại các cơ quan chức năng đến việc rút đơn khởi kiện, nên ông T mới cam kết thù lao pháp lý số tiền 500.000.000 đồng với ông D. Tuy số tiền và chữ số chưa thống nhất, nhưng căn cứ lời khai ông T quá trình tham gia tố tụng chứng minh số tiền 500.000.000 đồng đã cam kết là đúng. Đồng thời, Giấy cam kết ký tại nhà ông T nên không có việc gây áp lực hay sức ép được, so với công việc ông D thực hiện thì số tiền 500.000.000 đồng là hợp lý, nên đề nghị tạm ngừng phiên tòa thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến công việc ông D đã thực hiện hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc ông T trả số tiền 450.000.000 đồng. Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định bà T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng mà phải là bị đơn mới đúng; thủ tục hòa giải, công khai chứng cứ không đúng và không triệu tập bà L với tư cách người làm chứng; tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 450.000.000 đồng, nhưng bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận số tiền 500.000.000 đồng là không chính xác. Vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D (sau khi bổ sung).*

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông D (sau khi bổ sung) và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) – viết tắt là Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa lần hai, bị đơn ông Trương Minh T có mặt nhưng tiếp tục ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông D là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu tạm ngừng phiên tòa thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến công việc ông D đã thực hiện. Xét thấy, ông D thực hiện một số công việc được bị đơn thừa nhận, công việc nhiều hay ít không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì để giải quyết vụ án thì cần nhất là tài liệu, chứng cứ chứng minh có hay không có thỏa thuận số tiền 500.000.000 đồng thù lao pháp lý, nên không cần thiết tạm ngừng phiên tòa.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D bổ sung yêu cầu kháng cáo là yêu cầu hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông T trả số tiền 450.000.000 đồng là nằm trong phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật TTDS, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông D về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông T trả số tiền 450.000.000 đồng. Xét thấy, khi kháng cáo ông D cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông trong vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và chứng minh theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật TTDS và đã thực hiện đầy đủ, nên không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Còn về quyền lợi hợp pháp của ông thì thấy rằng khi khởi kiện ông có cung cấp “Giấy cam kết thù lao bảo vệ pháp lý” ngày 01/12/2023 (BL số 09) thể hiện: Nội dung giấy cam kết phần lớn được đánh máy sẵn trong đó có đoạn viết tay ghi “Gia đình tôi thống nhất thù lao cho công sức và tiền bạc ông D đã bỏ ra chi phí cho vụ án là (đánh máy): viết tay số tiền 500.000 đồng (Năm trăm triệu) là có sự nhầm lẫn, không hợp lý, không có cơ sở xác định số tiền cụ thể chính xác là bao nhiêu. Ngoài giấy cam kết này ra thì ông D không cung cấp được hợp đồng dịch vụ pháp lý mà ông đã thực hiện cho ông T gồm những công việc gì, số tiền được hưởng là bao nhiêu để làm cơ sở xác định chính xác số tiền mà hai bên đã thỏa thuận là 500.000.000 đồng (theo lời trình bày của ông D) hay số tiền là 50.000.000 đồng (theo lời trình bày của ông T). Mặc dù, theo ông D cho rằng nhờ công sức của ông mà gia đình ông T đạt được kết quả như mong muốn, nên ngoài số tiền 56.000.000 đồng ông T chuyển khoản và giao tiền mặt cho ông trong suốt quá trình tham gia giải quyết tranh chấp đất đai thì ông T còn phải trả thù lao cho ông theo thỏa thuận số tiền là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông đã bỏ ra công sức gì, chỉ có những tin nhắn giữa ông và bà Nguyễn Thị L, nhưng không thể hiện vấn

đề gì nhằm mang lại hiệu quả của vụ án tranh chấp, còn đối với “Giấy xác nhận” ngày 02/01/2024 của bà L (BL số 57) ông đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm thì đến giai đoạn phúc thẩm bà L có “Tờ tường trình” ngày 06/9/2025, có xác nhận chữ ký của Trưởng ấp P và xác nhận của UBND xã T, bà L cho rằng việc ông D cung cấp cho Tòa án “Giấy xác nhận” ngày 02/01/2024 do bà đứng tên ký xác nhận là không phải của bà, từ lúc xảy ra tranh chấp với gia đình bà T2 cho tới nay thì bà không có ký bất kỳ văn bản, giấy tờ gì cho ông D, nên “Giấy xác nhận” ngày 02/01/2024 không có giá trị chứng minh trong vụ án. Mặt khác, ông D cho rằng do công sức của ông mà ông T được hưởng 5.000.000.000 đồng nên ông được hưởng thù lao pháp lý 10% và tại phiên tòa phúc thẩm thì cho rằng 15%, nhưng ông D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận như vừa nêu. Trong khi đó, những tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp cho Tòa án thể hiện ngày 22/02/2023, bà T2 có ký hợp đồng thuê Luật sư Trần Thanh P để tư vấn pháp lý trong vụ kiện hành chính và vụ án dân sự theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 02/2024/QĐST-DS ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cũ) thì do Luật sư P tư vấn pháp lý và tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông D tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng ông đã nhận của ông T số tiền 56.000.000 đồng và số tiền 56.000.000 đồng mà ông D đã nhận của ông T cũng đã tương xứng với công việc mà ông đã thực hiện. Như vậy, theo “Giấy cam kết thù lao bảo vệ pháp lý” ngày 01/12/2023 có sự mâu thuẫn, không xác định được số tiền cụ thể là bao nhiêu; ông D cũng không cung cấp được hợp đồng dịch vụ pháp lý mà ông đã thực hiện cho ông T gồm những công việc gì, số tiền được hưởng là bao nhiêu để làm cơ sở xác định chính xác số tiền mà hai bên đã thỏa thuận, không đảm bảo quy định tại các Điều 513, 514 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định tại các Điều 515, 516, 517, 518 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông T không có nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, vụ án trước là tranh chấp giữa mẹ của ông T với bà L, nếu có thỏa thuận thù lao pháp lý thì phải là mẹ của ông T, không phải ông T, ông T cũng không được ủy quyền thỏa thuận thù lao pháp lý, nên không đứng chủ thể được bảo vệ pháp lý. Ngoài ra, ông D cho rằng sau khi thỏa thuận thành với bà L thì ông T mới ký cam kết thù lao, nhưng thực tế thì văn bản phân chia di sản thừa kế được ký ngày 22/12/2023 (BL số 55) là sau ngày ký cam kết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[6]. Từ những nhận định tại mục [5] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông D (sau khi bổ sung) là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 450.000.000 đồng, nhưng bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận số tiền 500.000.000 đồng là không chính xác, nên cần điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp. Ngoài ra, bản án sơ thẩm chưa tuyên trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông T, nên cần bổ sung cho đầy đủ.

[7]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn (sau khi bổ sung) là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên nguyên đơn ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, ông D sinh năm 1963 là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9]. Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông D (sau khi bổ sung) và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Phú D (sau khi bổ sung).

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ. Án tuyên như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Phú D về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Minh T trả thù lao bảo vệ pháp lý số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Minh T đối với nguyên đơn ông Hồ Phú D về việc hủy bỏ Giấy cam kết thù lao bảo vệ pháp lý ngày 01/12/2023. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Minh T đối với nguyên đơn ông Hồ Phú D về việc yêu cầu trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hồ Phú D được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trương Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Trương Minh T số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0005206 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A (nay là Phòng Thi hành án dân sự KV – Cần Thơ).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Phú D được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND KV - Cần Thơ
- THADS KV - Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Toàn